

Bản án số: 42/2025/DS-ST

Ngày: 09/4/2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư

2. Ông Nguyễn Tùng Châu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Xuân Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 399/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Quan Công L, sinh năm 1958; địa chỉ số C, Đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Vinh Long.

Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thanh V, sinh năm 1989; địa chỉ số A, đường D, Phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/9/2024). (có mặt)

* **Bị đơn:** Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1982; địa chỉ số F, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đinh Đức T1, sinh năm 1994; địa chỉ số A, Khóm B, Phường I, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (có mặt)

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thị Huỳnh A; địa chỉ số C, Đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Vinh Long. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/9/2024 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/10/2024 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Thanh V đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Giữa ông Quan Công L và ông Nguyễn Hoàng T là chỗ quen biết, lúc cần tiền làm ăn nên ông T có hỏi vay của ông L nhiều lần với mức lãi suất 5%/tháng, vay không thời hạn, không thế chấp tài sản, cụ thể:

- Ngày 21/3/2021, ông T vay số tiền 50.000.000đ. Khoản vay này ông T đã trả tiền lãi đến ngày 21/12/2022 là 21 tháng bằng 52.500.000đ.

- Ngày 07/7/2021, ông T tiếp tục vay số tiền 200.000.000đ. Khoản vay này ông T đã trả tiền lãi đến ngày 07/12/2022 là 17 tháng bằng 170.000.000đ.

- Ngày 12/9/2021, ông T tiếp tục vay số tiền 150.000.000đ. Khoản vay này ông T đã trả tiền lãi đến ngày 12/12/2022 là 15 tháng bằng 112.500.000đ.

Như vậy tổng số tiền ông T vay của ông L bằng 400.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã thanh toán tiền lãi đầy đủ cho ông L đến tháng 12/2022 tổng cộng bằng 335.000.000đ. Sau đó, ông T không trả tiền gốc, lãi, mặc dù ông L có đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không thanh toán. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông số tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ tháng 01 năm 2023 đến ngày xét xử bằng 192.144.000đ. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 02/12/2024, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoàng T trình bày:

Đối với 03 biên nhận ngày 21/3/2021, 07/7/2021 và 12/9/2021, ông T thừa nhận do ông viết và ký tên, tổng số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không có thời hạn thanh toán, không thế chấp tài sản. Quá trình thực hiện hợp đồng ông đã thanh toán tiền lãi cho ông Quan Công L và bà Nguyễn Thị Huỳnh A đầy đủ đến tháng 02/2023 bằng 375.000.000đ.

Tuy nhiên, đối với biên nhận ngày 07/7/2021, biên nhận thể hiện ông vay 200.000.000đ, nhưng thật chất tiền gốc là 100.000.000đ và 100.000.000đ tiền lãi của các khoản vay trước đây nên ông L yêu cầu cộng vào, nhưng ông không có gì chứng minh các khoản vay trước đây.

Ông T cho rằng khi vay thì ông L nói lãi suất 3%/tháng, nhưng nay nguyên đơn trình bày 5%/tháng nên đây là tranh chấp lãi. Do đó đề nghị Tòa án áp dụng mức lãi suất 10%/năm để điều chỉnh lại mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Biên nhận ngày 21/3/2021, tiền gốc 50.000.000đ, tiền lãi với mức lãi 10%/năm từ ngày vay đến ngày 09/4/2025 bằng 70.000.000đ, nhưng ông đã trả 57.500.000đ; cho nên còn phải trả thêm tiền gốc và lãi cho ông L bằng 12.500.000đ.

- Biên nhận ngày 07/7/2021, tiền gốc chỉ 100.000.000đ; tiền lãi với mức lãi 10%/năm từ ngày vay đến ngày 09/4/2025 bằng 37.350.000đ, nhưng ông đã trả 190.000.000đ; sau khi khấu trừ tiền gốc và lãi thì ông **L** phải có nghĩa vụ trả lại cho ông 52.650.000đ.

Đối với số tiền 100.000.000đ còn lại trong biên nhận ngày 07/7/2021 nêu trên là tiền lãi của các khoản vay trước nên không đồng ý trả.

- Biên nhận ngày 12/9/2021, tiền gốc 150.000.000đ, tiền lãi với mức lãi 10%/năm từ ngày vay đến ngày 09/4/2025 bằng 52.290.000đ, nhưng ông **T** đã trả 127.500.000đ; cho nên còn phải trả thêm tiền gốc và lãi cho ông **L** bằng 74.790.000đ.

Như vậy, sau khi khấu trừ các khoản trên thì ông **T** còn phải trả thêm cho ông **L** số tiền 34.640.000đ. Ông không đồng ý trả số tiền 592.144.000đ như nguyên đơn trình bày.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Thừa nhận ông **T** có vay của ông **L** ba lần nhưng số tiền gốc là 300.000.000đ chứ không phải 400.000.000đ như nguyên đơn trình bày; số tiền còn lại trong biên nhận ngày 07/7/2021 là tiền lãi của các khoản vay trước đây nên ông **L** yêu cầu ông **T** gộp chung vào thành tiền gốc. Quá trình thực hiện hợp đồng ông **T** đã trả tiền lãi cho ông **L** tổng số tiền 375.000.000đ với mức lãi suất 3%, 5% và 10%, nhưng tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho ông **L** cho rằng mức lãi suất 5% nên đây là trường hợp tranh chấp lãi, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để điều chỉnh mức lãi suất trong trường hợp này bằng 10%/năm để tính lãi; sau khi tính lãi nếu ông **T** trả tiền lãi vượt mức quy định thì đề nghị khấu trừ vào tiền gốc như lời trình bày của ông **T**. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông **T** thanh toán tổng số tiền gốc và lãi cho ông **L** bằng 34.640.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Qui trình nhận đơn, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng trình tự thủ tục tố tụng; về thời hạn xét xử **đảm bảo** đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về Hội đồng xét xử thực hiện nguyên tắc xét xử đúng trình tự thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của nguyên và bị đơn được thực hiện nghiêm túc, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện nghiêm.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Luật Người cao tuổi; khoản 2 Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông **Nguyễn Hoàng T** trả cho ông **Quan Công L** số tiền gốc 176.220.000đ, tiền lãi là 81.731.500đ. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 257.951.500đ.

Không chấp nhận yêu cầu của ông **Quan Công L** về việc yêu cầu ông **Nguyễn Hoàng T** trả gốc và lãi với số tiền 334.492.500đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Nguyễn Hoàng T** phải nộp số tiền 12.897.575đ. Ông **Quan Công L** được miễn nộp vì là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là quan hệ về hợp đồng vay tài sản, cho nên, đây là vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà **Nguyễn Thị Huỳnh A** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **Huỳnh A** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào các biên nhận nhận tiền ngày 21/3/2021, 07/7/2021 và 12/9/2021 thể hiện ông **Nguyễn Hoàng T** có nhận của ông **L** số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là có thật. Tại phiên tòa ông **T** cũng thừa nhận các biên nhận đều do ông viết và ký tên, hiện nay chưa thanh toán. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật không cần phải chứng minh. Việc các bên ký kết hợp đồng vay trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý để thực hiện.

[4] Xét về hợp đồng vay, mặc dù, trong các hợp đồng ông **L** và ông **T** không có thỏa thuận mức lãi suất và thời gian thanh toán nhưng các bên đều thừa nhận có việc giao, nhận tiền lãi; phía ông **T** cho rằng mức lãi suất là 3%, 5%, 10%/tháng, có lúc cho rằng không thỏa thuận lãi suất; còn ông **L** cho rằng mức lãi suất 5%/tháng. Căn cứ vào các lần chuyển tiền cho thấy mức lãi suất mà các bên giao nhận là 5%/tháng, đồng thời tại bản sao kê tài khoản do ông **T** cung cấp cho thấy các lần trả tiền lãi thì ông **T** đều ghi rất rõ là trả tiền lãi cho các khoản vay nào, số tiền này tương đương với mức lãi 5%/tháng, do đó, có căn cứ xác định mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là 5%/tháng, cho nên, ông **T** cho rằng đây là tranh chấp lãi để yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay không có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét lời trình bày của ông **T** cho rằng, số tiền gốc 200.000.000đ trong Biên nhận mượn tiền ngày 07/7/2021 chỉ có 100.000.000đ tiền gốc, còn lại

100.000.000đ là tiền lãi của các khoản vay trước đây cộng dồn vào. Hội đồng xét xử xét thấy, tại phiên tòa ông T thừa nhận biên nhận này do chính tay ông viết và ký tên, ông cho rằng ông L ép buộc, đe dọa ông viết biên nhận nhưng không có gì chứng minh; mặt khác, ông T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đây là tiền lãi của các khoản vay trước đây nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, do ông T không trả tiền lãi đúng hạn nên ông L nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền gốc, lãi nhưng ông T không trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, ông L yêu cầu ông T hoàn trả số tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày vay đến ngày xét xử là có cơ sở chấp nhận, phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[7] Tuy nhiên, xét thấy các bên thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 5%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên cần phải điều chỉnh mức lãi suất cho phù hợp pháp luật là 20%/năm. Việc tính lãi như sau:

- Khoản vay thứ nhất: $50.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 640 \text{ ngày}$ (21/3/2021 đến 21/12/2022) = 17.534.000đ. Tuy nhiên, ông L đã nhận tiền lãi 52.500.000đ, cho nên số tiền lãi đóng vượt bằng 34.966.000đ (52.500.000đ – 17.534.000đ) sẽ được trừ vào tiền gốc. Như vậy số tiền gốc còn lại bằng 15.034.000đ (50.000.000đ – 34.966.000đ). Do đó, tiền lãi được tính như sau: $15.034.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 839 \text{ ngày}$ (22/12/2022 đến 09/4/2025) = 6.912.000đ.

- Khoản vay thứ hai: $200.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 518 \text{ ngày}$ (07/7/2021 đến 07/12/2022) = 56.767.000đ. Tuy nhiên, ông L đã nhận tiền lãi 170.000.000đ, cho nên số tiền lãi đóng vượt bằng 113.233.000đ (170.000.000đ – 56.767.000đ) sẽ được trừ vào tiền gốc. Như vậy số tiền gốc còn lại bằng 86.767.000đ (200.000.000đ – 113.233.000đ). Do đó, tiền lãi được tính như sau: $86.767.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 853 \text{ ngày}$ (08/12/2022 đến 09/4/2025) = 40.555.000đ.

- Khoản vay thứ ba: $150.000.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 456 \text{ ngày}$ (12/9/2021 đến 12/12/2022) = 37.479.000đ. Tuy nhiên, ông L đã nhận tiền lãi 112.500.000đ, cho nên số tiền lãi đóng vượt bằng 75.021.000đ (112.500.000đ – 37.479.000đ) sẽ được trừ vào tiền gốc. Như vậy số tiền gốc còn lại bằng 74.979.000đ (150.000.000đ – 75.021.000đ). Do đó, tiền lãi được tính như sau: $74.979.000đ \times 20\%/365 \text{ ngày} \times 848 \text{ ngày}$ (13/12/2022 đến 09/4/2025) = 34.840.000đ.

[8] Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi ông T phải trả cho ông L bằng 259.087.000đ (tiền gốc 176.780.000đ, tiền lãi 82.307.000đ). Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền 592.144.000đ và ông T phản tố yêu cầu chỉ thanh toán cho ông L số tiền 34.640.000đ là có cơ sở chấp nhận một phần.

[9] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **L** và một phần yêu cầu phản tố của ông **T**, nên ông **L** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận bằng 16.653.000đ; ông **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 12.954.000đ. Tuy nhiên, ông **L** là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, cho nên miễn toàn bộ án phí cho ông **L** theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[11] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Quan Công L**. Buộc ông **Nguyễn Hoàng T** có nghĩa vụ hoàn trả cho ông **Quan Công L** số tiền tổng cộng bằng 259.087.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu không trăm tám mươi bảy ngàn đồng) (trong đó tiền gốc 176.780.000đ; tiền lãi 82.307.000đ).

Thời hạn thanh toán khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Quan Công L** về việc buộc ông **Nguyễn Hoàng T** trả số tiền gốc và lãi bằng 333.057.000đ

1.3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông **Nguyễn Hoàng T** về việc khấu trừ tiền lãi vào tiền gốc bằng 223.220.000đ.

2. Về án phí

Buộc ông **Nguyễn Hoàng T** nộp 12.954.000đ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007507, ngày 04/12/2024, nên ông **T** còn phải nộp thêm 12.654.000đ (Mười hai triệu sáu trăm năm mươi bốn ngàn đồng).

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Quan Công L**.

3. Nghĩa vụ thi hành án

3.1. Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

3.2. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- Thi hành án TPVL;
- Các đ/s;
- Lưu: VT,...

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tấn Thành